

Bản án số: 135/2024/DS-ST

Ngày 26-8-2024

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU - TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Hòe.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Lịch;

Ông Lưu Văn Đê.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu.

Ngày 26 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 88/2024/TLST-DS ngày 13 tháng 6 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 124/2024/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 7 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 88/2024/QĐST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trịnh Thị H**, sinh năm 1975. Địa chỉ: **Xóm H, xã H, huyện H, huyện H, tỉnh Nam Định.**

- Bị đơn: Bà **Lương Thị N**, sinh năm 1968. Địa chỉ: **Xóm H, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.**

(Có mặt bà **H**; vắng mặt bà **N**)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/5/2024, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà **Trịnh Thị H** trình bày:

Bà **Trịnh Thị H** và bà **Lương Thị N** là chị em họ. Năm 2017, bà **H** có cho bà **N** vay tiền nhiều lần. Ngày 02/9/2017, bà **H** và bà **N** chốt sổ, tổng số tiền bà **N** còn nợ bà **H** là 681.600.000đ (sáu trăm tám mươi một triệu sáu trăm nghìn đồng), thỏa thuận tính lãi suất 20%/năm, thời hạn trả nợ đến ngày 16/12/2017. Bà **N** tự viết giấy biên nhận nợ trong đó thể hiện số tiền vay, thời hạn thanh toán nhưng không ghi thỏa thuận về lãi suất, giao bản gốc cho bà **H** giữ. Đến hạn, bà

H đã đòi nhiều lần nhưng bà N không trả gốc và lãi cho bà H. Bà khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc bà N phải trả bà H tiền vay gốc 681.600.000đ (sáu trăm tám mươi một triệu sáu trăm nghìn đồng) và lãi suất 20%/năm, kể từ ngày 02/9/2017 đến nay.

Sau khi nhận Quyết định đưa vụ án ra xét xử, bà H thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu bà N trả nợ gốc 681.600.000đ, không yêu cầu tính lãi.

Tại văn bản ghi ngày 16/7/2024, bị đơn bà Lương Thị N trình bày: Việc bà N nợ bà H số tiền 681.600.000 VNĐ (sáu trăm tám mươi một triệu sáu trăm nghìn đồng) có giấy viết tay vào năm 2017 là sự việc có thật; hàng tháng bà N vẫn trả nợ gốc và lãi theo thoả thuận cho bà H. Từ năm 2021 đến nay, do dịch C, gia đình bà N gặp khó khăn không có khả năng tiếp tục trả nợ nên bà N đã gặp bà H xin khất nợ. Tuy nhiên, trong khoảng thời gian từ năm 2018 đến năm 2021, bà H đã trả bà N số nợ gốc là 189.300.000 VNĐ, trả nhiều lần thể hiện tại tập tài liệu sao kê bà H gửi kèm theo đơn. Số tiền gốc còn lại, bà N xin được trả dần cho bà H.

Tại phiên toà, bà H xác định không sử dụng tài khoản Ngân hàng, không công nhận lời khai của bà N, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của bà N, buộc bà N trả bà H nợ gốc 681.600.000đ (sáu trăm tám mươi một triệu sáu trăm nghìn đồng), không yêu cầu tính lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn bà Lương Thị N xin xét xử vắng mặt; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà N là phù hợp quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

2.1. Nguyên đơn bà Trịnh Thị H yêu cầu bà Lương Thị N trả nợ tiền vay gốc là 681.600.000đ (sáu trăm tám mươi một triệu sáu trăm nghìn đồng). Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp gồm “Giấy biên nhận nợ” bản gốc ghi ngày 02 tháng 9 năm 2017 dương lịch có chữ ký của bà Lương Thị N. Tại văn bản ghi ngày 16/7/2024, bị đơn bà Lương Thị N nội công n đã viết giấy biên nhận ngày 02/9/2017. Như vậy, tính đến ngày 02/9/2027, bà H cho bà N vay số tiền 681.600.000đ (sáu trăm tám mươi một triệu sáu trăm nghìn đồng) là sự việc có thật.

Quá trình giải quyết vụ án, bà **N** trình bày đã trả cho bà **H** tổng số tiền 189.300.000đ tiền vay gốc thông qua các giao dịch chuyển khoản. Kèm theo yêu cầu, bà **H** gửi cho Tòa án 26 tờ giấy in bằng khổ A4 trong đó thể hiện các giao dịch bằng dịch vụ Internet Banking từ nhiều số tài khoản khác nhau. Tuy nhiên, tất cả các tài liệu mà bà **N** gửi cho Tòa án đều không thể hiện xuất xứ nguồn gốc tài liệu; các giao dịch không ghi nội dung giao dịch, chỉ có số tài khoản của người gửi và người nhận, số tiền giao dịch mà không thể hiện tên chủ tài khoản, ngân hàng nơi người gửi và người nhận mở tài khoản. Tại Thông báo số 198/CV-TA ngày 19 tháng 7 năm 2024, Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu đã yêu cầu bà **N** giải trình về nguồn gốc, nội dung, cơ quan ban hành tài liệu; xác định cụ thể các giao dịch chuyển khoản có liên quan đến vụ án, các giao dịch thể hiện nội dung đã trả nợ gốc cho bà **H** hoặc cung cấp số tài khoản, nơi mở tài khoản của người gửi, người nhận. Tuy nhiên, đến ngày mở phiên tòa lần thứ hai, bà **N** không đến Tòa án làm việc, không giải trình đối với các tài liệu đã giao nộp cho tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận ý kiến của bà **N** về việc đã trả cho bà **H** số tiền 189.300.000đ.

2.2. Về lãi suất: Tại đơn khởi kiện ngày 22/5/2024, đơn đề nghị ngày 05/8/2024, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ số tiền gốc theo Giấy nhận nợ vay tiền ngày 02/9/2017 và tiền lãi theo thỏa thuận. Sau khi nhận Quyết định đưa vụ án ra xét xử, nguyên đơn bà **H** rút một phần yêu cầu, không yêu cầu bà **N** trả lãi. Xét yêu cầu của bà **H** là tự nguyện, không trái quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên nguyên đơn không phải nộp án phí và được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn bà **Lương Thị N** phải trả nợ gốc cho bà **H** nên phải nộp án phí tương ứng với nghĩa vụ phải thực hiện.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 166, 280, 353, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà **Trịnh Thị H** về việc kiện đòi tài sản đối với bị đơn bà **Lương Thị N**.

Buộc bà **Lương Thị N** phải trả bà **Trịnh Thị H** số nợ gốc là 681.600.000đ (sáu trăm tám mươi một triệu sáu trăm nghìn đồng). Đình chỉ yêu cầu tính lãi

của nguyên đơn bà **Trịnh Thị H**; bà **Lương Thị N** không phải trả lãi cho bà **Trịnh Thị H**.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn lại phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

- Buộc bà **Lương Thị N** phải nộp 31.264.000 (ba mươi một triệu hai trăm sáu mươi tư nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- **H1** lại bà **Trịnh Thị H** số tiền 15.632.000đ (mười lăm triệu sáu trăm ba mươi hai nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số 0003207 ngày 13 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Hải Phong;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng

Ngô Thị Hòe